

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/DS-PT

Ngày 23 - 05 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

2. Ông Phạm Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 23 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 03 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 138/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K2. Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ N – Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần K2. Địa chỉ: Số D đường T, khóm A, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt, vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: 1, Nguyễn Thị Minh K1, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A N, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Luật sư Huỳnh Hồng T – Văn phòng luật sư Huỳnh Hồng T, Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số A, đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt, vắng mặt khi tuyên án)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí D – Giám đốc, Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, Chi nhánh S. Địa chỉ: Số A, đường T, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H đều là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/11/2023 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S với ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông K, bà H vay số tiền 250.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi, chế biến chả lụa, patê thịt chà bông và mua bán nhỏ; Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 11/10/2014; Lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm; Lãi suất cho vay quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Tiền phạt chậm trả lãi: 0,1%/ ngày; Hình thức thanh toán: Trả gốc + lãi trả vào cuối kỳ. Để đảm bảo cho việc trả nợ, hai bên thỏa thuận, ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013. Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho việc trả nợ nêu trên là: Căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,9m², diện tích sàn 113,8 m², gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 70,1 m² tại thửa 189 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 280459, sổ vào sổ cấp GCN số CH01129 do UBND thành phố S cấp ngày 24/02/2012 cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên và Ngân hàng đã giải ngân số tiền 250.000.000 đồng cho ông K, bà H vay, nhưng đến hạn thanh toán của hợp đồng

tín dụng nêu trên thì ông **K**, bà **H** chưa thanh toán số tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng nên đã vi phạm nội dung thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký. Cụ thể, ông **K**, bà **H** còn nợ lại **Ngân hàng TMCP K2** số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng, tiền lãi vay quá hạn từ ngày 17/11/2024 cho đến ngày làm đơn khởi kiện 24/3/2023 là 285.843.750 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 314.625.000 đồng.

Vì vậy, **Ngân hàng TMCP K2** khởi kiện đối với ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** thanh toán số tiền vốn và lãi vay quá hạn còn nợ lại Ngân hàng nêu trên và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay. Trường hợp ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn, lãi còn nợ thì **Ngân hàng TMCP K2** có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp nêu trên theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã ký, để thu hồi tiền vốn, lãi vay của ngân hàng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** là ông **Nguyễn Hoàng L** trình bày ý kiến:*

Bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, **Nguyễn Thị Thu H** thừa nhận có thỏa thuận, ký kết với **Ngân hàng TMCP K2**, chi nhánh **S** Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013 để vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Mục đích vay là để lấy số tiền 250.000.000 đồng cho con gửi tiết kiệm tại **Ngân hàng TMCP K2** để làm điều kiện làm cộng tác viên với **Ngân hàng TMCP K2**, chứ không phải là để làm vốn kinh doanh như phía Ngân hàng trình bày. Do sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 250.000.000 đồng thì đã nộp lại cho **Ngân hàng TMCP K2**, chi nhánh **S** để mở sổ tiết kiệm theo yêu cầu của Ngân hàng, ông **K**, bà **H** không có nhận được số tiền vay 250.000.000 đồng như nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, bị đơn ông **K**, bà **H** không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K2**, vì thực tế ông **K**, bà **H** không có nhận số tiền vốn vay 250.000.000 đồng của ngân hàng.

Còn đối với yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013 mà hai bên đã ký thì phía bị đơn ông **K**, bà **H** không đồng ý, vì tài sản thế chấp nêu trên của Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013 là để bảo đảm nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 645/2012/HĐTD ngày 11 tháng 9 năm 2012, được giao kết giữa **Ngân hàng TMCP K2**, chi nhánh **S** với ông **K**, bà **H**. Đồng thời, ông **K**, bà **H** đã tất toán đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 645/2012/HĐTD ngày 11 tháng 9 năm 2012, nhưng

không được Ngân hàng giải chấp tài sản này, trả lại giấy tờ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông K, bà H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến trả lời đối với ý kiến phản đối của bị đơn, có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S về việc gửi tiền bảo đảm của các bị đơn ông K, bà H cho con làm cộng tác viên với Ngân hàng tại chi nhánh S và vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 số tiền vốn vay và lãi vay quá hạn (tạm tính đến ngày 25/01/2024) là 564.625.000 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi vay quá hạn là 314.625.000 đồng.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H chậm thanh toán số tiền vốn và lãi vay nêu trên cho Ngân hàng thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 26/01/2024 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2 đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H, về việc xử lý phát mãi tài sản thế chấp: Căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,9m², diện tích sàn 113,8 m², gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 70,1 m² tại thửa 189 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 280459, sổ vào sổ cấp GCN số CH01129 do UBND thành phố S cấp ngày 24/02/2012 cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

* Ngày 02/02/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trả lại sự công bằng cho chúng tôi.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi vì Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013 và Hợp đồng thế chấp số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013 được ký kết giữa Ngân hàng K2 với ông K, bà H là không có thật, trái pháp luật, chủ thể ký hợp đồng phía Ngân hàng không đúng quy định của pháp luật về người đại diện, nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh tại thời điểm ký kết các hợp đồng nêu trên ông Nguyễn Thanh T1 có đủ tư cách về chủ thể đại diện Ngân hàng TMCP K2, chi nhánh S để ký hợp đồng với bên vay hay không. Về bản chất của vụ việc tranh chấp, ông K, bà H chỉ ký hợp thức hóa các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nêu trên để cho con được làm cộng tác viên với Ngân hàng K2, thực tế không có nhận số tiền vay 250.000.000 đồng, thể hiện sự gian dối, hợp thức hóa hồ sơ cho vay của Ngân hàng K2 đối với ông K, bà H, nên đến nay hơn 10 năm Ngân hàng mới khởi kiện ông K, bà H, dẫn đến hậu quả pháp lý các giao dịch hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng với ông K, bà H đều vô hiệu. Tại phiên tòa, phía đại diện Ngân hàng cũng thừa nhận tài sản thế chấp nêu trên của ông K, bà H là để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng 645/2012/HĐTD ngày 11 tháng 9 năm 2012 và khoản vay của Hợp đồng tín dụng này đã được tất toán xong, nhưng Ngân hàng không giao trả tài sản thế chấp cho ông K, bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai

đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[1.2] Tại phiên tòa phúc, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K2; các bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do; việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S với ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông K, bà H vay số tiền 250.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi, chế biến chả lụa, patê thịt chà bông và mua bán nhỏ; Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn 11/10/2014; Lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm; Lãi suất cho vay quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Tiền phạt chậm trả lãi: 0,1%/ ngày; Hình thức thanh toán: Trả gốc + lãi trả vào cuối kỳ. Để đảm bảo cho việc trả nợ, hai bên thỏa thuận, ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013. Tài sản thế chấp dùng để bảo đảm cho việc trả nợ nêu trên là: Căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,9m², diện tích sàn 113,8 m², gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 70,1 m² tại thửa 189 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 280459, số vào sổ cấp GCN số CH01129 do UBND thành phố S cấp ngày 24/02/2012 cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H. Sau khi hai bên ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên và Ngân hàng đã giải ngân số tiền 250.000.000 đồng cho ông K, bà H vay, nhưng đến hạn thanh toán của hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông K, bà H chưa thanh toán số tiền vốn, lãi vay cho Ngân hàng nên đã vi phạm nội dung thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng

hai bên đã ký. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng TMCP K2 yêu cầu ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán số tiền vốn là 250.000.000 đồng và lãi vay quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 314.625.000 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay. Trường hợp ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền vốn, lãi còn nợ thì Ngân hàng TMCP K2 có yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản thế chấp nêu trên theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng thế chấp tài sản hai bên đã ký, để thu hồi tiền vốn, lãi vay của ngân hàng.

[2.2] Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Thu H thừa nhận có thỏa thuận, ký kết với Ngân hàng TMCP K2, chi nhánh S Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013 để vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Mục đích vay là để lấy số tiền 250.000.000 đồng cho con gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP K2 để làm điều kiện làm cộng tác viên với Ngân hàng TMCP K2, chứ không phải là để làm vốn kinh doanh như phía Ngân hàng trình bày. Do sau khi được Ngân hàng giải ngân số tiền vay 250.000.000 đồng thì đã nộp lại cho Ngân hàng TMCP K2, chi nhánh S để mở sổ tiết kiệm theo yêu cầu của Ngân hàng, ông K, bà H không có nhận được số tiền vay 250.000.000 đồng như nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, bị đơn ông K, bà H không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2, vì thực tế ông K, bà H không có nhận số tiền vốn vay 250.000.000 đồng của ngân hàng. Đối với yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013 mà hai bên đã ký thì phía bị đơn ông K, bà H không đồng ý, vì tài sản thế chấp nêu trên của Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013 là để bảo đảm nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 645/2012/HĐTD ngày 11 tháng 9 năm 2012, được giao kết giữa Ngân hàng TMCP K2, chi nhánh S với ông K, bà H. Đồng thời, ông K, bà H đã tắt toán đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 645/2012/HĐTD ngày 11 tháng 9 năm 2012, nhưng không được Ngân hàng giải chấp tài sản này, trả lại giấy tờ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông K, bà H.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến trả lời đối với ý kiến phản đối của bị đơn, có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh S về việc gửi tiền bảo đảm của các bị đơn ông K, bà H cho con làm cộng tác viên với Ngân hàng tại chi nhánh S và vắng mặt tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo của các bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trả lại sự công bằng cho chúng tôi. **Nhận thấy:**

[3.1] Theo ông **K**, bà **H** cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu là không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bản án ghi chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là Tòa án cấp sơ thẩm làm sai lệch hồ sơ vụ án thì thấy rằng, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2024, tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 25/01/2024 và bài phát biểu số 03/PB-VKS-DS ngày 25/01/2024 của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm đều thể hiện kiểm sát viên phát biểu đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn (như bản án đã tuyên), nên các bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm làm sai lệch hồ sơ vụ án là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo này của ông **K**, bà **H** là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét tính pháp lý của hợp đồng tín dụng số: 346/2013/HĐTD, ngày 11/10/2013 thì thấy rằng, theo Quyết định số 08/QĐ-NHKL ngày 15/01/2007 thì Tổng giám đốc **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2** đã ủy quyền đại diện cho lãnh đạo các đơn vị trực thuộc thì theo quy định tại khoản 1 Điều 1 ký Hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định hiện hành của **Ngân hàng K2**,... và Quyết định số 1582/QĐ-NHKL ngày 04/7/2011 thì Tổng giám đốc **Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2** bổ nhiệm ông **Nguyễn Thanh T1** giữ chức vụ Giám đốc **Chi nhánh S - Ngân hàng TMCP K2**, kể từ ngày 04/7/2011. Như vậy, ông **T1** có toàn quyền ký các Hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày 04/7/2011 và theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Bộ luật dân sự thì Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết, việc ký tên và đóng dấu Ngân hàng đây thuộc quan hệ nội bộ của Ngân hàng. Do đó, kháng cáo của các bị đơn cho rằng hợp đồng tín dụng số: 346/2013/HĐTD, ngày 11/10/2013 đã vi phạm điểm a, điểm c, khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự, nên hợp đồng nêu trên đã vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Xét về thời hiệu của Hợp đồng tín dụng số: 346/2013/HĐTD, ngày 11/10/2013 thì thấy rằng, theo hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông **K**, bà **H** vay số tiền 250.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng, tức là ngày đến hạn 11/10/2014 và trong quá trình vay thì các bị đơn không có trả vốn và lãi cho Ngân hàng, phía Ngân hàng cũng không có động thái nào để đòi nợ. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Như vậy, từ ngày vay (11/10/2013) đến ngày Ngân hàng khởi kiện ngày 10/4/2023 là trên 09 năm thì hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng. Tuy nhiên:

[3.3.1] Tại biên bản hòa giải thành ngày 11/9/2023 thì ông **Nguyễn Hoàng L** là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông **K**, bà **H** đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng tổng cộng 551.875.000đồng (trong đó vốn 250.000.000đ, lãi quá hạn 301.875.000đ) cùng các khoản khác và đến ngày 12/9/2023 thì người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn có văn bản đề nghị hủy bỏ kết quả hòa giải thành ngày 11/9/2023 và không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi là 301.875.000 đồng.

[3.3.2] Tại biên bản hòa giải thành ngày 30/10/2023 thì ông **Nguyễn Hoàng L** là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là ông **K**, bà **H** đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn 250.000.000đ cùng các khoản khác và đến ngày 01/11/2023 thì người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có văn bản đề nghị hủy bỏ kết quả hòa giải thành ngày 30/10/2023. Yêu cầu các bị đơn thanh toán vốn 250.000.000đồng và phần lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày thanh toán dứt nợ như đơn khởi kiện ban đầu.

[3.3.3] Ngày 06/11/2023, Ngân hàng khởi kiện bổ sung buộc các bị đơn trả tổng cộng vốn và lãi đến ngày 25/3/2023 là 535.843.750 đồng (trong đó vốn 250.000.000đ, lãi quá hạn 285.843.750đ) và tiền lãi phát sinh đến ngày 25/3/2023 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến ngày thanh toán dứt nợ.

[3.3.4] Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này và tại tòa phía ông **L** đại diện theo ủy quyền của các bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông **K**, bà **H** vay số tiền 250.000.000 đồng. Do đó, các bị đơn kháng cáo yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự là không có căn cứ, nên kháng cáo của các bị đơn phần này không được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

[4.1] Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K2** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H**, về việc xử lý phát mãi tài sản thế chấp: Căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,9m², diện tích sàn 113,8 m², gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 70,1 m² tại thửa 189 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại **khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 280459, sổ vào sổ cấp GCN số CH01129 do **UBND thành phố S** cấp ngày 24/02/2012 cho ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013.

[4.2] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn thì cấp sơ thẩm phải căn cứ tại khoản 3 Điều 321, khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 327 để trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn mới phù hợp với pháp luật, nên kháng cáo của các bị đơn phần này được chấp nhận và cấp phúc thẩm cần bổ sung phần này.

[5] Từ những phân tích nêu trên thì theo án sơ thẩm đã nhận định:

[5.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thanh toán tiền vốn, lãi vay quá hạn của Hợp đồng tín dụng số: 346/2013/HĐTD ngày 11/10/2013 giữa hai bên, thỏa thuận ký kết thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn vay 250.000.000 đồng, nhưng chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay 250.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vay quá hạn do cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện của vụ án, còn tại phiên tòa thì phía bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng không được nhận số tiền vay 250.000.000 đồng, do ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là để hợp thức hóa hồ sơ cho Ngân hàng để con của ông bà được làm cộng tác viên của **Ngân hàng K2**. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ; Các bản kê tính gốc, lãi theo hợp đồng của khách hàng vay ông **Nguyễn Văn K** và các tài liệu chứng cứ khác (bút lục số 19 – 41). Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội dung bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** có vay số tiền 250.000.000 đồng của **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2**, chi nhánh **S**, bên vay ông **K**, bà **H** đều có ký tên, nhận nợ và nguyên đơn Ngân hàng cũng thừa nhận sau khi vay thì ông **K**, bà **H** chỉ trả tiền lãi trong hạn, không trả tiền vốn vay, còn nợ lại tiền vốn vay là 250.000.000 đồng, nên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 17/11/2014 cho đến nay và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 314.625.000 đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** có vay và còn nợ **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2**, chi nhánh **S** số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/11/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 314.625.000 đồng.

Do bên vay ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi vào cuối kỳ vay (kỳ hạn vay 12 tháng) theo quy định tại Điều 3, Điều 6 của Hợp đồng tín dụng nêu trên mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** đối với ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** yêu cầu thanh toán tiền vốn và lãi vay quá hạn còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 564.625.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[5.2] Xét ý kiến phản đối của bị đơn, không đồng ý trả tiền vốn, lãi quá hạn cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2**: Như đã nhận định tại mục [3.3.4] nêu trên thì thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013 giữa hai bên thỏa thuận, ký kết nêu trên thuộc

trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015, nên ý kiến phản đối của bị đơn không đồng ý trả tiền lãi quá hạn cho nguyên đơn do hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, phía bị đơn cho rằng ông **K**, bà **H** ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 10/11/2013 nêu trên là để hợp thức hóa hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng để cho con làm cộng tác viên của **Ngân hàng K2** nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bị phía **Ngân hàng K2** lừa dối hoặc ép buộc phải ký các hợp đồng này.

Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn là ông **Nguyễn Hoàng L** (con của ông **K**, bà **H**) cũng thừa nhận, ông đã từng làm cộng tác viên của **Ngân hàng TMCP K2**, cũng đã phải mở sổ tiết kiệm số tiền 250.000.000 đồng để bảo đảm cho việc làm cộng tác viên Ngân hàng và sau khi ông **L** nghỉ làm cộng tác viên cho Ngân hàng thì **Ngân hàng K2** đã trả lại số tiền 250.000.000 đồng gửi bảo đảm cho ông. Do đó, ý kiến phản đối của phía bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K2** về việc không nhận được số tiền vay 250.000.000 đồng là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[6] Các bị đơn kháng cáo có cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình một phần là có căn cứ, nên kháng cáo của các bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** và người bảo vệ quyền lợi cho các bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận một phần, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị đơn ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** được chấp nhận một phần, nên ông **K**, bà **H** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H**. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271;

khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H**, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** số tiền vốn vay và lãi vay quá hạn đến ngày 25/01/2024 là 564.625.000 đồng (Năm trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi vay quá hạn là 314.625.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H** chậm thanh toán số tiền vốn và lãi vay nêu trên cho Ngân hàng thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số 346/13/HĐTD ngày 11/10/2013 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 26/01/2024 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K2** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H**, về việc xử lý phát mãi tài sản thế chấp: Căn nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 60,9m², diện tích sàn 113,8 m², gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 70,1 m² tại thửa 189 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại **khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 280459, số vào sổ cấp GCN số CH01129 do **UBND thành phố S** cấp ngày 24/02/2012 cho ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013.

Buộc **Ngân hàng TMCP K2**. Trụ sở chính: **số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang** trả lại cho ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 280459 (số vào sổ cấp GCN số CH01129) do **UBND thành phố S** cấp ngày 24/02/2012 cho ông **Nguyễn Văn K**, bà **Nguyễn Thị Thu H** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 341/2013/HĐTC ngày 22/8/2013.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H** được miễn nộp toàn bộ.

3.2. Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng hai lần là 19.862.000 đồng (Theo biên lai thu số 0007760 ngày 28/4/2023 số tiền là 12.716.000 đồng và biên lai thu số 0001236 ngày 15/11/2023 số tiền là 7.146.094 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, **Ngân hàng Thương mại cổ phần K2** được nhận lại số tiền tổng cộng hai lần là 19.562.000 đồng (Theo biên lai thu số 0007760 ngày 28/4/2023 số tiền là 12.716.000 đồng và biên lai thu số 0001236 ngày 15/11/2023 số tiền là 6.846.094 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Số tiền là 750.000 đồng, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP K2** có nghĩa vụ phải chịu, đã nộp và chi xong.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông **Nguyễn Văn K** và bà **Nguyễn Thị Thu H** được miễn toàn bộ.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Phụng